

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Điều hành	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-29
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12-29

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 07 tháng 12 năm 2006; Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 24/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh khác.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ronald Nguyễn Anh Đạt	Chủ tịch
Bà Hoàng Ngân Hà	Phó Chủ tịch
Bà Trương Thị Hoàng Lan	Ủy viên

Các thành viên của Ban Điều hành đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Quang Tiến	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09/06/2014
Ông Vũ Thế Long	Quyền Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 09/06/2014

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Hồ Bảo Hùng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Việt Hưng	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,

Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Điều hành



Ronald Nguyễn Anh Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2015

Số: 620/2015/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tin

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tin được lập ngày 26 tháng 03 năm 2015, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh báo cáo tài chính số 5, giá trị ghi sổ của các chứng khoán chưa niêm yết của Công ty tại ngày 31/12/2014 là 14.566.500.000 đồng. Theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC ngày 06/10/2014 của Bộ Tài chính, do không xác định được giá thị trường tại ngày 31/12/2014 nên Công ty không có cơ sở để đánh giá mức độ giảm giá của các chứng khoán chưa niêm yết nêu trên.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín đã được kiểm toán viên đưa ra ý kiến ngoại trừ về việc các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết chưa được trích lập dự phòng do không xác định được giá thị trường tại ngày 31/12/2013.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2015

Vũ Xuân Biền

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		83.524.671.912	88.467.079.016
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	11.535.034.123	21.344.236.057
111	1. Tiền		11.535.034.123	21.344.236.057
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	14.595.128.500	14.780.113.900
121	1. Đầu tư ngắn hạn		14.595.916.691	14.782.372.100
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(788.191)	(2.258.200)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	45.344.714.594	35.877.934.364
131	1. Phải thu của khách hàng		-	300.000.000
132	2. Trả trước cho người bán		22.638.385.174	22.638.385.174
138	5. Các khoản phải thu khác		37.443.281.307	22.570.720.322
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(14.736.951.887)	(9.631.171.132)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		12.049.794.695	16.464.794.695
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	7	48.491.693	48.491.693
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	12.001.303.002	16.416.303.002
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		35.514.917.935	35.377.010.305
220	II. Tài sản cố định		134.228.074	538.306.319
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	99.228.050	340.092.050
222	- Nguyên giá		3.930.336.468	3.930.336.468
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.831.108.418)	(3.590.244.418)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	35.000.024	198.214.269
228	- Nguyên giá		1.971.239.400	1.971.239.400
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.936.239.376)	(1.773.025.131)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	4.841.751.246	4.347.166.480
258	4. Đầu tư dài hạn khác		5.340.000.000	5.340.000.000
259	5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(498.248.754)	(992.833.520)
260	V. Tài sản dài hạn khác		30.538.938.615	30.491.537.506
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	29.520.080.000	29.520.080.000
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	13	1.016.858.615	959.457.506
268	4. Tài sản dài hạn khác		2.000.000	12.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		119.039.589.847	123.844.089.321

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		5.078.345.353	1.914.554.140
310	I. Nợ ngắn hạn		5.078.345.353	1.914.554.140
312	2. Phải trả người bán		346.985.821	343.580.041
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	258.487.896	186.176.016
315	5. Phải trả người lao động		318.063.839	53.496.507
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	4.132.044.437	1.238.332.810
321	10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		22.763.360	92.968.766
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		113.961.244.494	121.929.535.181
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	113.961.244.494	121.929.535.181
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		138.000.000.000	138.000.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(24.038.755.506)	(16.070.464.819)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		119.039.589.847	123.844.089.321

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	31/12/2014	01/01/2014
006	6. Chứng khoán lưu ký	18.385.540.000	33.639.930.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch	18.374.230.000	26.713.220.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	33.820.000	33.680.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	18.340.010.000	26.679.140.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	400.000	400.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	10.000.000	10.000.000
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	10.000.000	10.000.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	-	5.550.100.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	-	5.550.100.000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	1.310.000	1.366.610.000
038	- Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	40.000	-
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	970.000	1.366.610.000
040	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	300.000	-
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	2.280.190.000	3.364.960.000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch	2.280.190.000	3.364.960.000
052	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	570.000	410.000
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	2.279.620.000	3.364.550.000
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	-	7.197.480.000


Nguyễn Thị Năm
Người lập

Nguyễn Tuyết Hạnh
Kế toán trưởngRonald Nguyễn Anh Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu	17	1.709.495.235	2.176.703.244
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		1.641.679.657	1.686.512.758
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		8.884.200	-
01.9	Doanh thu khác		58.931.378	490.190.486
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17	-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	17	1.709.495.235	2.176.703.244
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	18	1.978.713.059	3.866.337.854
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		(269.217.824)	(1.689.634.610)
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	7.304.723.521	12.074.901.440
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(7.573.941.345)	(13.764.536.050)
31	8. Thu nhập khác		38.769.000	2.963.200
32	9. Chi phí khác		433.118.342	125.206.808
40	10. Lợi nhuận khác		(394.349.342)	(122.243.608)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(7.968.290.687)	(13.886.779.658)
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>(7.968.290.687)</u>	<u>(13.886.779.658)</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21	(577)	(1.006)


Nguyễn Thị Năm
Người lập

Nguyễn Tuyết Hạnh
Kế toán trưởngRonald Nguyễn Anh Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆNăm 2014
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(7.968.290.687)	(13.886.779.658)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		404.078.245	620.264.906
03	- Các khoản dự phòng		4.609.725.980	8.817.977.606
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(67.815.578)	(389.332.464)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(3.022.302.040)	(4.837.869.610)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		1.785.037.906	30.373.187.702
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		186.455.409	-
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		3.163.791.213	(5.047.594.902)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		-	1.308.811.323
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(48.491.693)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		11.344.000	79.697.440
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(12.001.344.000)	(16.400.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(9.877.017.512)	5.427.740.260
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		67.815.578	389.332.464
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		67.815.578	389.332.464
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(9.809.201.934)	5.817.072.724
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		21.344.236.057	15.527.163.333
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	11.535.034.123	21.344.236.057


Nguyễn Thị Năm
Người lập

Nguyễn Tuyết Hạnh
Kế toán trưởngRonald Nguyễn Anh Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2014

Năm 2014	Thuyết minh	01/01/2014 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2014 VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		138.000.000.000	-	-	138.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(16.070.464.819)	(7.968.290.687)	-	(24.038.755.506)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	16	121.929.535.181	(7.968.290.687)	-	113.961.244.494

Năm 2013	Thuyết minh	01/01/2013 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2013 VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		138.000.000.000	-	-	138.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(2.183.685.161)	(13.886.779.658)	-	(16.070.464.819)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	16	135.816.314.839	(13.886.779.658)	-	121.929.535.181


Nguyễn Thị Năm
Người lập

Nguyễn Tuyết Hạnh
Kế toán trưởngRonald Nguyễn Anh Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 07 tháng 12 năm 2006; Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 24/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh khác.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 138.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 138.000.000.000 đồng; tương đương 13.800.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.7 . Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

2.9 . Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng; nếu chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại UPCOM), giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng; nếu chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 03 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng, trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện trích lập dự phòng; đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất;
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.12 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

- Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn;

2.13 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

2.14 . Các bên liên quan

Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND
Của Công ty Chứng khoán	10.490	144.605.000
- Cổ phiếu	10.490	144.605.000
Của người đầu tư	70.006.350	796.981.260.000
- Cổ phiếu	70.006.350	796.981.260.000
	70.016.840	797.125.865.000

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	8.482.609.578	20.494.357.636
Tiền gửi ngân hàng	10.843.005	14.506.619
Tiền gửi về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	3.041.581.540	835.371.802
	11.535.034.123	21.344.236.057

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá trị trước		Giảm so với giá trị trước		Tổng giá trị theo giá trị trước	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán thương mại			14.595.916.691	14.782.372.100	19.031.700	8.851.400	(788.191)	(2.258.200)	14.614.160.200	14.788.965.300
Chứng khoán niêm yết			29.352.091	29.872.100	18.971.400	8.851.400	(788.191)	(2.258.200)	47.535.300	36.465.300
- Các cổ phiếu lẻ	-	-	29.352.091	29.872.100	18.971.400	8.851.400	(788.191)	(2.258.200)	47.535.300	36.465.300
Chứng khoán Upcom			64.600	-	60.300	-	-	-	124.900	-
- Các cổ phiếu lẻ	-	-	64.600	-	60.300	-	-	-	124.900	-
Chứng khoán chưa niêm yết			14.566.500.000	14.752.500.000	-	-	-	-	14.566.500.000	14.752.500.000
- Công ty CP Du lịch Huế ⁽¹⁾	646.248	646.248	14.150.000.000	14.150.000.000	-	-	-	-	14.150.000.000	14.150.000.000
- Công ty CP Tập đoàn Mai Linh ⁽¹⁾	73.500	73.500	416.500.000	416.500.000	-	-	-	-	416.500.000	416.500.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	10.000	-	186.000.000	-	-	-	-	-	186.000.000
			14.595.916.691	14.782.372.100	19.031.700	8.851.400	(788.191)	(2.258.200)	14.614.160.200	14.788.965.300

Ghi chú:

(1): Do không xác định được giá trị trường tại thời điểm 31/12/2014, Công ty không có cơ sở để đánh giá mức độ tăng/giảm giá trị theo sổ kế toán so với giá trị trường để làm căn cứ xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán chưa niêm yết.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÂN HẠNG

	01/01/2014		Số phát sinh trong năm		31/12/2014		Tổng số dự phòng đã lập VND
	Tổng số VND	Số quá hạn VND	Số khó đòi VND	Tăng VND	Giảm VND	Số quá hạn VND	Số khó đòi VND
Phải thu của khách hàng	300.000.000	-	300.000.000	-	300.000.000	-	-
- Phải thu hoạt động khác	300.000.000	-	300.000.000	-	300.000.000	-	-
Trả trước cho người bán	22.638.385.174	22.638.385.174	-	-	-	22.638.385.174	-
- Trả trước tiền mua đất	22.638.385.174	22.638.385.174	-	-	-	22.638.385.174	-
Các khoản phải thu khác	22.570.720.322	8.465.518.600	-	16.780.441.235	1.907.880.250	6.835.518.600	-
- Phí môi giới chứng khoán	1.300.000.000	1.300.000.000	-	-	-	1.300.000.000	-
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh xăng dầu	7.165.518.600	7.165.518.600	-	-	1.630.000.000	5.535.518.600	-
- Công ty TNHH Đất Việt Nam	-	-	-	16.400.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Dầu tư thương mại Đông Triều	14.000.000.000	-	-	-	-	-	-
- Phải thu khác	105.201.722	-	-	380.441.235	277.880.250	207.762.707	-
	45.509.105.496	31.103.903.774	300.000.000	16.780.441.235	2.207.880.250	29.473.903.774	(14.736.951.887)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Tình hình trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tại ngày 01/01	9.631.171.132	210.000.000
Trích lập	5.105.780.755	9.421.171.132
Tại ngày 31/12	14.736.951.887	9.631.171.132

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	48.491.693	48.491.693
	48.491.693	48.491.693

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	1.303.002	16.303.002
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược (*)	12.000.000.000	16.400.000.000
	12.001.303.002	16.416.303.002

(*) Trong năm, Công ty đã thanh lý hợp đồng đặt cọc tiền mua văn phòng làm chi nhánh được ký kết với Công ty TNHH Đất Việt Nam và đang làm các thủ tục cần thiết để thu hồi khoản tiền đặt cọc 16,4 tỷ đồng trước ngày quy định trên thanh lý hợp đồng và các phụ lục bổ sung (Thuyết minh số 6). Đồng thời Công ty đã ký kết hợp đồng ngày 02/06/2014 với ông Hoàng Xuân Huy và chuyển tiền đặt cọc 12 tỷ để mua văn phòng, mở thêm Chi nhánh mới.

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2014	259.674.360	1.505.810.000	2.164.852.108	3.930.336.468
Điều chỉnh phân loại lại	(259.674.360)	-	259.674.360	-
Tại ngày 31/12/2014	-	1.505.810.000	2.424.526.468	3.930.336.468
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2014	259.674.360	1.239.156.159	2.091.413.899	3.590.244.418
Trích khấu hao	-	188.226.252	52.637.748	240.864.000
Điều chỉnh phân loại lại	(259.674.360)	-	259.674.360	-
Tại ngày 31/12/2014	-	1.427.382.411	2.403.726.007	3.831.108.418
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2014	-	266.653.841	73.438.209	340.092.050
Tại ngày 31/12/2014	-	78.427.589	20.800.461	99.228.050

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.371.039.595 đồng.

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Trong năm 2014, toàn bộ tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán, phần mềm giao dịch với tổng nguyên giá là 1.971.239.400 đồng, giá trị hao mòn lũy kế đến thời điểm 31/12/2014 là 1.936.239.376 đồng, trong đó chỉ phí khấu hao trong năm 2014 là 163.214.245 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

11 - CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá trị trước		Giảm so với giá trị trước		Tổng giá trị theo giá trị trước	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác										
- Góp vốn đầu tư Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh Doanh Bất động sản Nam Hà Nội	54.000	54.000	5.340.000.000	5.340.000.000	-	-	(498.248.754)	(992.833.520)	4.841.751.246	4.347.166.480
							(1.183.465)	(1.183.465)	538.816.535	538.816.535
- Góp vốn đầu tư Công ty Cổ phần Xăng dầu Việt Tin	480.000	480.000	4.800.000.000	4.800.000.000	-	-	(497.065.289)	(991.650.055)	4.302.934.711	3.808.349.945
							(498.248.754)	(992.833.520)	4.841.751.246	4.347.166.480

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tại ngày 01/01	29.520.080.000	30.701.752.903
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	-	(1.181.672.903)
Tại ngày 31/12	29.520.080.000	29.520.080.000
Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:		
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng chờ phân bổ (*)	29.520.080.000	29.520.080.000
	29.520.080.000	29.520.080.000

(*) Theo Hợp đồng thuê văn phòng giữa Bà Hoàng Ngân Hà và Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín ngày 02/01/2010, Công ty phải thanh toán tiền đặt cọc tương đương với mười lăm (15) năm tiền thuê nhà. Tiền thuê nhà của các lần thanh toán sẽ được trừ dần vào số tiền đã đặt cọc. Tuy nhiên, theo phụ lục hợp đồng ngày 01/06/2014 và phụ lục hợp đồng ngày 01/12/2014, Công ty được miễn tiền thuê văn phòng năm 2014, do đó Công ty không phân bổ vào chi phí trong năm.

13 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	338.712.475	338.712.475
Tiền nộp bổ sung	370.531.205	370.531.205
Tiền lãi phân bổ trong năm	307.614.935	250.213.826
Số dư cuối năm	1.016.858.615	959.457.506

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân của Cán bộ Công nhân viên	193.437.666	60.422.080
Thuế Thu nhập cá nhân của Nhà đầu tư	65.050.230	125.753.936
	258.487.896	186.176.016

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,

Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	31.002.800	58.450.200
Bảo hiểm xã hội	764.928.924	424.128.582
Bảo hiểm y tế	172.339.361	137.261.861
Bảo hiểm thất nghiệp	45.005.400	-
Nhận ký quỹ, ký cược của nhà đầu tư (*)	2.911.649.843	592.791.178
Phải trả nhà đầu tư về lãi tiền gửi	41.818.107	23.857.922
Phải trả tiền phạt của Ủy ban chứng khoán	165.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	300.002	1.843.067
	4.132.044.437	1.238.332.810

(*) Tiền của nhà đầu tư mở tài khoản để giao dịch chứng khoán

Cân đối tài sản và công nợ của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán như sau:

	Số tiền
	VND
Tiền gửi của nhà đầu tư để giao dịch chứng khoán	3.041.581.540
Cộng tiền của nhà đầu tư	3.041.581.540
Phải trả nhà đầu tư tiền ký quỹ giao dịch chứng khoán	2.911.649.843
Thuế Thu nhập cá nhân chưa nộp của nhà đầu tư	65.050.230
Phải trả hộ cổ tức, lãi trái phiếu cho nhà đầu tư	22.763.360
Phải trả nhà đầu tư về quyền mua chứng khoán	300.000
Phải trả nhà đầu tư về lãi tiền gửi không kỳ hạn chưa phân bổ	41.818.107
Cộng phải trả cho nhà đầu tư	3.041.581.540
Chênh lệch tiền và phải trả nhà đầu tư	-

16 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	138.000.000.000	(2.183.685.161)	135.816.314.839
Lỗ trong năm	-	(13.886.779.658)	(13.886.779.658)
Tại ngày 31/12/2013	138.000.000.000	(16.070.464.819)	121.929.535.181
Lỗ trong năm	-	(7.968.290.687)	(7.968.290.687)
Tại ngày 31/12/2014	138.000.000.000	(24.038.755.506)	113.961.244.494

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	31/12/2014	Tỷ lệ	01/01/2014
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty TNHH Đất Việt Nam	48,70%	67.206.000.000	48,70%	67.206.000.000
Bà Hoàng Ngân Hà	48,31%	66.662.000.000	48,31%	66.662.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	2,99%	4.132.000.000	2,99%	4.132.000.000
	100%	138.000.000.000	100%	138.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	138.000.000.000	138.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	138.000.000.000	138.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	138.000.000.000	138.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.800.000	13.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.800.000	13.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.800.000	13.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.800.000	13.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.800.000	13.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

17 . DOANH THU

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu	1.709.495.235	2.176.703.244
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	1.641.679.657	1.686.512.758
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	8.884.200	-
- Doanh thu khác	58.931.378	490.190.486
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	1.709.495.235	2.176.703.244

18 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	2.357.154.375	4.356.547.973
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	41.850.409	-
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	72.934.350	-
Hoàn nhập dự phòng	(496.054.775)	(603.193.526)
Chi phí khác	2.828.700	112.983.407
	1.978.713.059	3.866.337.854

19 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.746.842.530	1.332.748.185
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	11.075.863	108.800.753
Chi phí khấu hao tài sản cố định	234.222.468	210.440.920
Thuế, phí và lệ phí	58.289.147	59.662.221
Chi phí dự phòng	5.105.780.755	9.421.171.132
Chi phí dịch vụ mua ngoài	100.466.486	635.807.584
Chi phí khác bằng tiền	48.046.272	306.270.645
	7.304.723.521	12.074.901.440

20 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(7.968.290.687)	(13.886.779.658)
Các khoản điều chỉnh tăng	373.118.342	125.206.808
- Chi phí không hợp lệ	373.118.342	125.206.808
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	(7.595.172.345)	(13.761.572.850)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(48.491.693)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	(48.491.693)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	(48.491.693)	(48.491.693)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

21 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(7.968.290.687)	(13.886.779.658)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(7.968.290.687)	(13.886.779.658)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	13.800.000	13.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(577)	(1.006)

22 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.535.034.123	-	21.344.236.057	-
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	37.443.281.307	(3.417.759.300)	22.870.720.322	(2.839.655.580)
Đầu tư ngắn hạn	14.595.916.691	(788.191)	14.782.372.100	(2.258.200)
Đầu tư dài hạn	5.340.000.000	(498.248.754)	5.340.000.000	(992.833.520)
	68.914.232.121	(3.916.796.245)	64.337.328.479	(3.834.747.300)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	4.479.030.258	1.581.912.851
	4.479.030.258	1.581.912.851

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.535.034.123	-	-	11.535.034.123
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	34.025.522.007	-	-	34.025.522.007
Đầu tư ngắn hạn	14.595.128.500	-	-	14.595.128.500
Đầu tư dài hạn	-	4.841.751.246	-	4.841.751.246
	<u>60.155.684.630</u>	<u>4.841.751.246</u>	<u>-</u>	<u>64.997.435.876</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.344.236.057	-	-	21.344.236.057
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	20.031.064.742	-	-	20.031.064.742
Đầu tư ngắn hạn	14.780.113.900	-	-	14.780.113.900
Đầu tư dài hạn	-	4.347.166.480	-	4.347.166.480
	56.155.414.699	4.347.166.480	-	60.502.581.179

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2014				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	4.479.030.258	-	-	4.479.030.258
	4.479.030.258	-	-	4.479.030.258
Tại ngày 01/01/2014				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	1.581.912.851	-	-	1.581.912.851
	1.581.912.851	-	-	1.581.912.851

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

23. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

24 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Do toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ bao gồm hoạt động môi giới chứng khoán và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

25 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

Mối quan hệ	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu tiền phí môi giới chứng khoán		
Công ty CP Đầu tư Tài chính Việt Tín (*)	1.300.000.000	1.300.000.000
Phải thu về hợp đồng hợp tác kinh doanh xăng dầu		
Công ty CP Xăng Dầu Việt Tín (*)	5.535.518.600	7.165.518.600
Phải thu tiền đặt cọc thuê văn phòng		
Công ty TNHH Đất Việt Nam (*)	16.400.000.000	-
Số dư đầu tư góp vốn		
Công ty CP Đầu tư và Kinh Doanh Bất động sản Nam Hà Nội (*)	540.000.000	540.000.000
Công ty CP Xăng dầu Việt Tín (*)	4.800.000.000	4.800.000.000

(*) Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín đồng thời là Chủ tịch các Công ty này.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhập của Ban Điều hành	144.000.000	124.559.324

26 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Thị Năm
Người lập



Nguyễn Tuyết Hạnh
Kế toán trưởng



Ronald Nguyễn Anh Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2015